

Số: 180 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2023

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành các quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kỹ thuật công nghiệp Công Tiến thi công xây dựng nhà máy nhiệt điện Vũng Áng II

Thực hiện Quyết định số 290/QĐ-TTr ngày 05/7/2023 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, ngày 26/7/2023, Đoàn thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiến hành thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kỹ thuật công nghiệp Công Tiến thi công xây dựng nhà máy nhiệt điện Vũng Áng II.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 10/8/2023 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Thông tin về doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kỹ thuật công nghiệp Công Tiến (sau đây gọi là doanh nghiệp).

- Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312894345 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16/8/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 26/10/2022.

- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, lò sưởi, điều hòa; cho thuê, lắp đặt máy, thiết bị.

- Điện thoại liên hệ: 0935068468.

- Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp: số 18, đường số 5, khu nhà ở Z756, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

- Tài khoản số 31010002239474 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh.

2. Thông tin hạng mục gói thầu thi công

- Tên gói thầu thi công: lắp đặt kết cấu thép nhà tuabin.

- Giá trị hợp đồng: 58.000.000.520 đồng.

- Doanh nghiệp ký hợp đồng thi công với Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Bình Dương).

+ Ngày khởi công: ngày 07/01/2023.

+ Ngày dự kiến hoàn thành: ngày 08/5/2024.

- Địa chỉ ban điều hành tại dự án: xã Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Việc ký hợp đồng với nhà thầu phụ: không phát sinh.

h

- Tổng số người lao động của doanh nghiệp đang làm việc tại dự án: 181 người.

3. Trách nhiệm quản lý, điều hành các nhà thầu phụ trong công tác an toàn, vệ sinh lao động tại doanh nghiệp: không phát sinh.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Thực hiện hợp đồng lao động (số liệu tính tại thời điểm thanh tra)

- Số người không thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 0 người.
- Số người thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 181 người.
- Số người đã ký giao kết đồng lao động 181 người, trong đó:
 - + Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 21 người;
 - + Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng: không;
 - + Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 01 tháng đến 03 tháng: 03 người;

- + Hợp đồng lao động xác định thời hạn dưới 01 tháng: 157 người.

- Số người lao động thuê lại: 0 người.

- Số người chưa được giao kết hợp đồng lao động: 0 người.

- Nội dung của hợp đồng lao động ghi chưa cụ thể: mục trang bị bảo hộ lao động ghi “được trang bị các dụng cụ, thiết bị cần thiết phục vụ công việc”; mục bảo hiểm xã hội ghi “bảo hiểm bắt buộc và thuế thu nhập cá nhân sẽ được khấu trừ theo quy định hiện hành trước khi thanh toán lương hàng tháng”.

2. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi

- Đã thực hiện thời giờ làm việc hằng ngày, hằng tuần trong điều kiện lao động, môi trường lao động bình thường: 8 giờ/ngày và 48 giờ/tuần.

- Đã bố trí người lao động được nghỉ bình quân 01 tháng ít nhất 04 ngày.

- Huy động người lao động làm thêm giờ không vượt quá số giờ làm thêm theo quy định.

- Đã thực hiện việc nghỉ ngày lễ, nghỉ việc riêng có hưởng lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.

- Đã thực hiện ngày nghỉ hằng năm đối với lao động làm công việc trong điều kiện bình thường là 12 ngày/năm (chưa tính thâm niên).

3. Tiền lương và trả công lao động

- Hình thức trả lương doanh nghiệp đang áp dụng: trả lương theo thời gian (theo ngày công thực tế người lao động làm việc).

- Thu nhập thấp nhất: 5.000.000 đồng/người/tháng; thu nhập cao nhất: 40.000.000 đồng/người/tháng.

- Các khoản hỗ trợ: tiền thuê nhà ở, tiền ăn ca, tiền đi lại.

- Đã trả tiền lương làm thêm giờ cho người lao động theo quy định.

- Tiền lương làm việc vào ban đêm: không phát sinh.

- Thời hạn trả lương: doanh nghiệp thỏa thuận trong hợp đồng lao động thực hiện trả tiền lương của tháng làm việc trước ngày 15 của tháng kế tiếp. Doanh nghiệp đã trả lương đúng thời hạn.

h

4. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp (số liệu tính tại thời điểm thanh tra, đối với người lao động làm việc tại công trường)

- Số người thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: 24 người, trong đó:

+ Số người đã tham gia: 21 người.

+ Số người chưa tham gia: 03 người. Doanh nghiệp chưa làm thủ tục tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc cho 03 người lao động trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày giao kết hợp đồng lao động: Đặng Xuân Long, Lê Ngọc Vinh và Dương Danh Hồng đã giao kết hợp đồng lao động xác định thời hạn thời hạn kể từ ngày 30/5/2023.

- Số người lao động thuộc đối tượng phải tham gia bảo hiểm thất nghiệp: 21 người; đã tham gia cho 21 người theo quy định.

- Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là tiền lương ghi trong hợp đồng lao động.

5. Quy định chung về an toàn lao động, vệ sinh lao động

- Số lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động: 165 người.

- Số lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 0 người.

- Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên. Tuy nhiên, chưa ban hành quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.

- Đã thành lập bộ phận an toàn, vệ sinh lao động gồm 08 người làm việc chuyên trách về an toàn, vệ sinh lao động.

- Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động đủ các nội dung theo quy định.

- Đã cấp phát đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho toàn bộ người lao động. Tuy nhiên, số theo dõi cấp phương tiện bảo vệ cá nhân chưa có đủ chữ ký nhận của từng người lao động (do cấp phát theo tổ).

- Kiểm tra tại công trường, người lao động đã sử dụng đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân khi làm việc.

- Đã xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.

- Đã thực hiện huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người lao động theo quy định.

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định, lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản. Người lao động trước khi tuyển dụng đã có giấy khám sức khỏe.

- Đã lập sổ quản lý sức khỏe người lao động. Tuy nhiên, sổ khám sức khỏe định kỳ người lao động không dán ảnh và thiếu chữ ký của người lao động theo quy định.

- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động. Tuy nhiên, túi sơ cứu chưa đủ loại dụng cụ theo danh mục quy định (thiếu nẹp cổ, mặt nạ phòng độc).

- Doanh nghiệp sử dụng 32 máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động (05 cần trục bánh lốp, 01 cần trục ô tô, 01 cần trục bánh xích, 25 palang xích kéo tay) đã được kiểm định kỹ thuật an toàn lao động theo quy định.

- Việc quan trắc môi trường lao động: doanh nghiệp sử dụng kết quả quan trắc môi trường lao động toàn công trường do Tổng thầu tổ chức quan trắc môi trường lao động vào tháng 8 năm 2022 được áp dụng chung cho các nhà thầu tham gia thi công dự án.

- Tổng số vụ tai nạn lao động trong thời kỳ thanh tra tại công trường: không phát sinh.

- Đã lập sổ thống kê tai nạn lao động nhưng mẫu sổ chưa đủ thông tin cần thiết theo quy định (thiếu cột nghề nghiệp, loại hợp đồng lao động, nơi xảy ra tai nạn lao động, yếu tố gây chấn thương).

6. An toàn lao động, vệ sinh lao động trong lĩnh vực xây dựng

6.1. Những quy định chung

- Đã lập các biện pháp an toàn khi thi công.
 - Đã lập và ghi sổ nhật ký thi công xây dựng công trình.
 - Đã bố trí hệ thống chiếu sáng phục vụ thi công ban đêm ngoài trời, trong tầng ngầm, trong đường hầm; đường ra vào nơi làm việc và những khu vực có người đi lại.

- Đã bố trí công trình phục vụ các nhu cầu về sinh hoạt, vệ sinh cho người lao động.

- Đã dọn dẹp chất thải, phế liệu trên công trường.
 - Đã xếp đặt các thiết bị, dụng cụ tại công trình gọn gàng, sạch sẽ.
 - Đã thiết lập, kiểm soát vùng nguy hiểm, vùng nguy hại: rào chắn hoặc biện pháp che chắn chắc chắn để ngăn ngừa xâm nhập; các phương tiện cảnh báo, chỉ dẫn cụ thể; người làm nhiệm vụ bảo vệ, cảnh báo và kiểm soát ra, vào.
 - Đã bố trí đường tạm và đường tiếp cận nơi làm việc.

6.2. Công tác an toàn điện

- Đã lập bản vẽ hoặc chỉ dẫn về việc bố trí, lắp đặt các thiết bị và mạch điện tại các khu vực có lắp đặt điện; dán nhãn hoặc các phương pháp khác để nhận diện các mạch điện và thiết bị điện.

- Đã bố trí các thông báo, cảnh báo cấm người không có thẩm quyền (hoặc nhiệm vụ) vào phòng thiết bị điện hoặc thao tác, can thiệp vào các thiết bị điện.

- Đã kiểm tra, thử nghiệm hoặc kiểm định trước khi sử dụng các thiết bị điện, hệ thống điện.

- Các phần dẫn điện trần của các thiết bị điện (dây dẫn, thanh dẫn, tiếp điểm của cầu dao, cầu chảy, các cực của máy điện và dụng cụ điện...) được bọc kín bằng vật liệu cách điện hoặc đặt ở độ cao đảm bảo an toàn và thuận tiện cho việc thao tác.

6.3. Thang và giàn giáo

h

- Các loại giàn giáo đang sử dụng trên công trường: giàn giáo thép.
- Thiết kế, chế tạo, lắp dựng, sử dụng, kiểm tra, bảo trì thang, các bộ phận của giàn giáo và giàn giáo theo quy định.
- Hồ sơ thiết kế, biện pháp và trình tự lắp dựng đối với giàn giáo, thang và các bộ phận của chúng làm bằng các vật liệu, cấu kiện, sản phẩm phi kim loại (như gỗ, tre) và phi tiêu chuẩn; kiểm tra độ chắc chắn, ổn định của giàn giáo và các chi tiết liên kết; thử nghiệm khả năng chịu tải theo yêu cầu sử dụng được người có thẩm quyền giám sát và xác nhận: không phát sinh.
- Đã thực hiện giằng, liên kết, neo giữ giàn giáo đảm bảo an toàn.
- Đã lắp dựng giàn giáo trên hệ chân và nền đỡ bằng bê tông chắc chắn.
- Đã bố trí màn che hoặc tấm che để ngăn ngừa nguy hiểm do các vật rơi, sàn công tác, lối đi lại và thang của giàn giáo.
- Đã lắp đặt lan can an toàn và tấm chắn chân tại các phần của sàn công tác, đường đi, thang bậc đối với giàn giáo có chiều cao từ 2,0 m trở lên.
- Đã kiểm tra giàn giáo trước khi đưa vào sử dụng và kiểm tra định kỳ.
- Việc sử dụng giàn giáo định hình, giàn giáo treo: không phát sinh.

6.4. Công tác hàn

- Đã lập và thực hiện biện pháp an toàn và biện pháp chống cháy cho vật liệu, thiết bị và người làm việc đi lại ở phía dưới khi thực hiện hàn trên cao.
- Đã lập và thực hiện biện pháp an toàn, thông gió khi tiến hành hàn tại buồng, thùng, khoang, bể kín.
- Đã trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người làm công việc hàn điện, hàn hơi.
- Khoảng cách an toàn giữa các chai chứa khí nén và giữa chúng với nơi hàn bảo đảm an toàn theo quy định.

6.5. Công tác đào, đắp đất đá

- Đã lập kế hoạch và có biện pháp thi công, biện pháp xử lý các sự cố, biện pháp cứu nạn cụ thể trước khi thực hiện đào, đắp đất đá được cấp có thẩm quyền kiểm tra, chấp thuận.
- Đã xác định vị trí cụ thể của các hệ thống hạ tầng kỹ thuật có thể gây nguy hiểm khi thi công như cống ngầm, ống dẫn khí đốt, ống dẫn nước, đường dây dẫn điện và các hệ thống ngầm khác và lập biện pháp thi công, biện pháp an toàn theo quy định.
- Đã rào ngăn cách hoặc treo lên cao và có đánh dấu cảnh báo đầy đủ hoặc có biện pháp bao bọc bảo vệ để đảm bảo an toàn trong trường hợp các đường ống ngầm, đường dây dẫn điện và những hệ thống ngầm khác không thể di dời hoặc không thể ngắt kết nối.
- Đã bố trí các vật cản để chặn và rào chắn vững chắc, phù hợp để ngăn các vật rơi xuống hố đào.

6.6. Kết cấu chống đỡ tạm

- Loại kết cấu chống đỡ tạm đang sử dụng bằng kim loại.

- Đã khảo sát thiết kế, thi công, lắp dựng, kiểm tra, thử nghiệm, kiểm định an toàn, nghiệm thu, sử dụng, quan trắc, bảo trì, tháo dỡ kết cấu chống đỡ tạm theo quy định.

- Đã liên kết, giằng chống các tầng, lớp của kết cấu chống đỡ tạm khi kết cấu chống đỡ tạm có 2 tầng hoặc 2 lớp trở lên.

6.7. Ván khuôn và thi công bê tông

- Thực hiện khảo sát, thiết kế, thi công lắp dựng; thử nghiệm, kiểm định an toàn; kiểm tra, giám sát, sử dụng và bảo trì; tháo dỡ ván khuôn theo quy định.

- Đã lập và thực hiện biện pháp thi công kết cấu bê tông đổ tại chỗ.

- Đã lập và thực hiện quy trình các giai đoạn thi công (lắp dựng kết cấu chống đỡ tạm, cấp thép, thép cốt bê tông; đổ bê tông; kéo cáp ứng lực trước; bảo dưỡng; tháo dỡ ván khuôn; thí nghiệm và các công việc khác có liên quan).

- Đã kiểm tra kết cấu chống đỡ tạm trong quá trình đổ bê tông.

- Thực hiện sắp xếp vật liệu, cấu kiện, máy, thiết bị thi công ở khu vực bê tông đang đông cứng theo quy định.

6.8. Làm việc trên cao

- Đã thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn khi làm việc trên cao (từ 2,0 m trở lên) hoặc làm việc trên các mái nhà, mái dốc (mái có độ dốc lớn hơn 10 độ).

- Đã thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn khi làm việc trên các công trình cao (bao gồm các kết cấu dạng cột, trụ, cầu).

- Đã bố trí sàn công tác trên cùng của giàn giáo thấp hơn đỉnh công trình tối thiểu 65 cm.

- Việc để trống (không sử dụng) trên giàn giáo, sàn đỡ an toàn ngay bên dưới sàn đang có người lao động làm việc để bảo vệ, ngăn ngừa nguy cơ các vật rơi từ bên trên xuống: không phát sinh.

- Khoảng cách khe hở giữa giàn giáo và công trình cao bảo đảm theo quy định.

- Đã bố trí sàn đỡ an toàn trên lối vào công trình cao; lối đi, nơi làm việc của người lao động.

- Đã bố trí thang bộ hoặc thang leo sắt để leo lên hoặc xuống công trình cao.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động đã được doanh nghiệp thực hiện

1.1. Đã ký hợp đồng lao động với toàn bộ người lao động thuộc đối tượng phải ký kết hợp đồng lao động.

1.2. Thực hiện thời giờ làm việc hằng ngày, hằng tuần trong điều kiện lao động, môi trường lao động bình thường: 08 giờ/ngày và không quá 48 giờ/tuần.

1.3. Đã bố trí cho người lao động được nghỉ bình quân một tháng ít nhất 04 ngày; huy động người lao động làm thêm giờ không vượt quá số giờ làm thêm theo quy định.

1.4. Đã thực hiện việc nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.

Handwritten mark

- 1.5. Đã trả đủ tiền lương làm thêm giờ theo quy định, trả lương tháng đúng thời hạn cho người lao động.
- 1.6. Đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho 21 người thuộc đối tượng phải tham gia.
- 1.7. Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động đủ các nội dung theo quy định.
- 1.8. Đã bố trí người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động theo quy định.
- 1.9. Đã xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.
- 1.10. Đã thực hiện huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người lao động theo quy định.
- 1.11. Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định, lao động nữ đã được khám chuyên khoa phụ sản.
- 1.12. Đã thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với 32/32 máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đang sử dụng trên công trường.
- 1.13. Đã lập và thực hiện các biện pháp an toàn khi thi công; lập và ghi sổ nhật ký thi công xây dựng công trình.
- 1.14. Đã bố trí hệ thống chiếu sáng phục vụ thi công ban đêm ngoài trời, đường ra vào nơi làm việc và những khu vực có người đi lại; bố trí công trình phục vụ các nhu cầu về sinh hoạt, vệ sinh cho người lao động; dọn dẹp chất thải, phế liệu trên công trường; xếp đặt các thiết bị, dụng cụ tại công trình gọn gàng; bố trí đường tạm và đường tiếp cận nơi làm việc.
- 1.15. Đã lập bản vẽ hoặc chỉ dẫn về việc bố trí, lắp đặt các thiết bị và mạch điện tại các khu vực có lắp đặt điện; dán nhãn hoặc các phương pháp khác để nhận diện các mạch điện và thiết bị điện.
- 1.16. Đã có thông báo, cảnh báo, cấm người không có nhiệm vụ thao tác, can thiệp vào các thiết bị điện.
- 1.17. Đã kiểm tra, thử nghiệm hoặc kiểm định trước khi sử dụng các thiết bị điện, hệ thống điện.
- 1.18. Các phần dẫn điện trần của các thiết bị điện (dây dẫn, thanh dẫn, tiếp điểm của cầu dao, cầu chảy, các cực của máy điện và dụng cụ điện...) được bọc kín bằng vật liệu cách điện hoặc đặt ở độ cao đảm bảo an toàn và thuận tiện cho việc thao tác.
- 1.19. Trên công trường đang sử dụng giàn giáo thép. Việc thiết kế, chế tạo, lắp dựng, sử dụng, kiểm tra, bảo trì thang và các bộ phận của giàn giáo theo quy định; giăng, liên kết, neo giữ giàn giáo đảm bảo an toàn.
- 1.20. Đã lắp dựng giàn giáo trên hệ chân và nền đỡ; bố trí màn che hoặc tấm che để ngăn ngừa nguy hiểm do các vật rơi, sàn công tác, lối đi lại và thang của giàn giáo; lắp đặt lan can an toàn và tấm chặn chân tại các phần của sàn công tác, đường đi, thang bậc đối với giàn giáo có chiều cao từ 2,0 m trở lên; kiểm tra giàn giáo trước khi đưa vào sử dụng và kiểm tra định kỳ.

1.21. Đã lập và thực hiện biện pháp an toàn và biện pháp chống cháy cho vật liệu, thiết bị và người làm việc đi lại ở phía dưới khi thực hiện hàn trên cao; trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người làm công việc hàn; khoảng cách an toàn giữa các chai chứa khí nén và giữa chúng với nơi hàn đảm bảo an toàn.

1.22. Đã lập kế hoạch và có biện pháp thi công, biện pháp xử lý các sự cố, biện pháp cứu nạn cụ thể trước khi thực hiện đào, đắp đất đá được cấp có thẩm quyền kiểm tra, chấp thuận; rào ngăn cách hoặc treo lên cao và có đánh dấu cảnh báo đầy đủ hoặc có biện pháp bao bọc bảo vệ để đảm bảo an toàn trong trường hợp các đường ống ngầm, đường dây dẫn điện và những hệ thống ngầm khác không thể di dời hoặc không thể ngắt kết nối; bố trí các vật cản để chặn và rào chắn vững chắc, phù hợp để ngăn các vật rơi xuống hố đào.

1.23. Trên công trường sử dụng kết cấu chống đỡ tạm bằng kim loại. Đã khảo sát thiết kế, thi công, lắp dựng, kiểm tra, thử nghiệm, kiểm định an toàn, nghiệm thu, sử dụng, quan trắc, bảo trì, tháo dỡ kết cấu chống đỡ tạm; liên kết, giằng chống các tầng, lớp của kết cấu chống đỡ tạm khi kết cấu chống đỡ tạm có 2 tầng hoặc 2 lớp trở lên.

1.24. Đã khảo sát, thiết kế, thi công lắp dựng; thử nghiệm, kiểm định an toàn (nếu có); kiểm tra, giám sát, sử dụng và bảo trì; tháo dỡ ván khuôn; lập và thực hiện biện pháp thi công kết cấu bê tông đổ tại chỗ; lập và thực hiện quy trình các giai đoạn thi công; kiểm tra kết cấu chống đỡ tạm trong quá trình đổ bê tông.

1.25. Đã thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn khi làm việc trên cao; bố trí sàn công tác trên cùng của giàn giáo thấp hơn đỉnh công trình tối thiểu 65 cm; bố trí thang bộ hoặc thang leo sắt để leo lên hoặc xuống công trình cao.

2. Những quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Nội dung của hợp đồng lao động chưa đảm bảo quy định: mục trang bị bảo hộ lao động ghi “được trang bị các dụng cụ, thiết bị cần thiết phục vụ công việc”; mục bảo hiểm xã hội ghi “bảo hiểm bắt buộc và thuế thu nhập cá nhân sẽ được khấu trừ theo quy định hiện hành trước khi thanh toán lương hàng tháng” là không đúng quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động, Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung của hợp đồng lao động, hội đồng thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con.

2.2. Không lập hồ sơ tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày giao kết hợp đồng lao động đối với 03 người lao động (Đặng Xuân Long, Lê Ngọc Vinh và Dương Danh Hồng đã giao kết hợp đồng lao động xác định thời hạn thời hạn kể từ ngày 30/5/2023) thuộc đối tượng phải tham gia theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội.

2.3. Chưa ban hành quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.4. Số theo dõi cấp phương tiện bảo vệ cá nhân chưa có đủ chữ ký của người nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 25/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định chế độ trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động.

2.5. Sổ khám sức khỏe định kỳ của người lao động chưa đủ thông tin (không dán ảnh và thiếu chữ ký của người lao động) theo mẫu quy định tại Phụ lục 3a Thông tư số 09/2023/TT-BYT ngày 05/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn khám sức khỏe.

2.6. Túi sơ cứu chưa đủ dụng cụ (thiếu nẹp cổ, mặt nạ phòng độc) quy định tại Phụ lục 4 Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn quản lý vệ sinh lao động và sức khỏe người lao động.

2.7. Sổ thống kê tai nạn lao động chưa đủ thông tin cần thiết (thiếu cột nghề nghiệp, loại hợp đồng lao động, nơi xảy ra tai nạn lao động, yếu tố gây chấn thương) theo quy định tại Phụ lục I Thông tư số 13/2020/TT-BLĐTBXH ngày 27/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc thu thập lưu trữ, tổng hợp cung cấp, công bố, đánh giá về tình hình tai nạn lao động và sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Quyết định số 46/QĐ-XPVPHC ngày 03/8/2023 xử phạt vi phạm hành chính đối với doanh nghiệp về hành vi: không lập hồ sơ tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày giao kết hợp đồng lao động đối với 03 người lao động; hình thức xử phạt: phạt tiền; số tiền xử phạt: 18.000.000 đồng.

V. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu doanh nghiệp:

- Chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 46/QĐ-XPVPHC ngày 03/8/2023 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Khắc phục ngay các sai phạm số 2.2 và 2.6 Mục 2 Phần III.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Kết luận này, doanh nghiệp phải khắc phục xong những quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ nêu tại Mục 2 Phần III và báo cáo bằng văn bản kết quả khắc phục (kèm theo tài liệu chứng minh), gửi về Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội).

- Thực hiện niêm yết công khai kết luận thanh tra tại trụ sở doanh nghiệp 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra./.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: TTr, Hồ sơ TTr.

KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Anh Tuấn

